

Số: 13 /TB-MNBNH

Thanh Trì, ngày 4 tháng 01 năm 2025

**THÔNG BÁO CÔNG KHAI
DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 6446/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Thanh Trì về việc giao chỉ tiêu kế hoạch KTXH và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của huyện Thanh Trì;

Trường mầm non B xã Ngũ Hiệp huyện Thanh Trì thực hiện niêm yết công khai dự toán chi ngân sách năm 2025 theo QĐ số 12/QĐ-MNBNH ngày 4/01/2025 của trường mầm non B xã Ngũ Hiệp theo mẫu biểu số 02 quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính như sau:

1. Hình thức, địa điểm công khai: Niêm yết Biểu mẫu số 02 Công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 tại Bảng công khai dân chủ Phòng hành chính trường mầm non B xã Ngũ Hiệp.

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 04/01/2025 đến ngày 04/4/2025

Giao Bộ phận kế toán tài vụ tổ chức thực hiện việc niêm yết công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 và tổng hợp các ý kiến của các đơn vị, cá nhân trong thời gian niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH (để b/c);
- Lưu VP



Hiệu trưởng *lyg*
[Signature]
Trần Thị Hải Yến

Số: 12/QĐ-MNBNH

Ngũ Hiệp, ngày 4 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2025 của trường mầm non B xã Ngũ Hiệp

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 6446/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Thanh Trì về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của huyện Thanh Trì;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường mầm non B xã Ngũ Hiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2025 của trường mầm non B xã Ngũ Hiệp. (theo Biểu 02 đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. BGH nhà trường, bộ phận kế toán tài vụ và các bộ phận khác có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Kế toán
- Lưu :VT, ...



Trần Thị Hải Yến

Đơn vị: TRƯỜNG MN B XÃ NGŨ HIỆP

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-MNBNH ngày 4/01/2025 của trường MN B xã Ngũ Hiệp)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.293.230.000
1	Số thu phí, lệ phí	332.505.000
1.1	Học phí	332.505.000
2	Thu sự nghiệp, dịch vụ	960.725.000
2.1	Tổ chức phục vụ bán trú	960.725.000
-	Chăm sóc bán trú	877.725.000
-	Trang thiết bị phục vụ bán trú	83.000.000
3	Nguồn thu sự nghiệp được để lại	960.725.000
3.1	Tổ chức phục vụ bán trú	960.725.000
-	Chăm sóc bán trú	877.725.000
-	Trang thiết bị phục vụ bán trú	83.000.000
4	Chi từ nguồn thu phí được để lại	332.505.000
	Học phí	332.505.000
5	Thu từ nguồn ngân sách cấp	10.962.837.000
a	Nguồn ngân sách thường xuyên	5.233.647.000
-	Chi tiền lương, tiền công	4.686.569.000
-	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý	547.078.000
b	Nguồn ngân sách không thường xuyên	3.323.000.000
-	Kinh phí hỗ trợ có nhiều điểm trường	100.000.000
-	Kinh phí hỗ trợ công tác công nhận lại chuẩn năm 2025	200.000.000
-	Kinh phí hỗ trợ chi hoạt động đối với trường dưới 500 học sinh	200.000.000
-	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo theo ND số 06	2.000.000
-	Kinh phí bổ sung từ nguồn CCTL để cấp bù miễn giảm học phí cho trẻ mầm non 5 tuổi theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	84.000.000
-	Kinh phí bổ sung để thực hiện CCTL theo mức lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/người/tháng lên 2.340.000 đồng/người/tháng	2.406.190.000
-	Kinh phí bổ sung để thực hiện CCTL ngân sách Huyện để thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2025 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	330.810.000

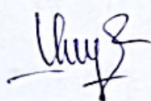
Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	8.556.647.000
1	CHI THƯỜNG XUYÊN	5.233.647.000
1.1	Quỹ tiền lương trong định mức	4.686.569.000
1.1.1	TIỀN LƯƠNG	2.106.443.000
	Lương ngạch bậc được duyệt	2.106.443.000
1.1.2	TIỀN CÔNG	603.092.000
	Tiền công trả cho vi trí lao động TX theo hợp đồng	603.092.000
1.1.3	PHỤ CẤP LƯƠNG	1.031.499.000
	Chức vụ	50.064.000
	Phụ cấp ưu đãi nghề	720.939.000
	Phụ cấp trách nhiệm	1.788.000
	Phụ cấp vượt khung + thâm niên nhà giáo	258.708.000
1.1.4	DỰ KIẾN TĂNG LƯƠNG ĐỊNH KỲ	57.692.000
1.1.5	LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BIÊN CHẾ CHƯA TUYÊN DỤNG	178.541.000
1.1.6	CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP	709.302.000
	Bảo hiểm xã hội	513.113.000
	Bảo hiểm y tế	90.549.000
	Kinh phí công đoàn	60.366.000
	Bảo hiểm thất nghiệp	30.183.000
	Các khoản đóng góp khác	15.092.000
1.2	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo nhiệm vụ giao	547.078.000
1.2.1	THANH TOÁN DỊCH VỤ CÔNG CỘNG	108.000.000
	Thanh toán tiền điện	72.000.000
	Thanh toán tiền nước	31.500.000
	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	4.500.000
1.2.2	VẬT TƯ VĂN PHÒNG	51.665.000
	Văn phòng phẩm	30.900.000
	CCDC văn phòng	8.425.000
	Vật tư văn phòng khác	12.340.000
1.2.3	THÔNG TIN LIÊN LẠC	15.708.000
	Cước phí điện thoại trong nước	3.000.000
	Cước internet	2.508.000
	Tuyên truyền, quảng cáo	5.000.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
.	Khác	5.200.000
1.2.4	CHI PHÍ THUÊ MƯƠN	31.050.000
	Thuê phương tiện vận chuyển	3.000.000
	Thuê lao động trong nước	10.550.000
	Thuê đào tạo lại cán bộ	15.000.000
	Chi phí thuê mướn khác	2.500.000
1.2.5	SỬA CHỮA TX TS CÔNG TRÌNH DUY TU, BẢO	148.000.000
	Thiết bị tin học (Máy tính, máy in, máy photo...)	22.240.000
	Đường điện, cấp thoát nước	35.760.000
	Các TSCĐ và CT hạ tầng s/c khác	90.000.000
1.2.6	MUA SẮM TÀI SẢN PHỤC VỤ CÔNG TÁC CM	75.000.000
	Hệ thống Camera	75.000.000
1.2.7	CHI PHÍ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN	22.115.000
	Chi mua hàng hóa vật tư cho chuyên môn	11.400.000
	Chi phí khác	10.715.000
1.2.7	MUA SẮM TÀI SẢN VÔ HÌNH	18.600.000
	Mua, bảo trì PM công nghệ thông tin	18.600.000
1.2.8	CHI KHÁC	76.940.000
	Chi các khoản khác	76.940.000
2	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	3.323.000.000
2.1	Kinh phí hoạt động ngoài định mức	500.000.000
2.2	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa	2.000.000
2.3	Kinh phí cấp bù học phí cho học sinh 5 tuổi	84.000.000
2.4	Kinh phí thực hiện CCTL	2.406.190.000
2.5	Kinh phí thực hiện tiền thưởng năm 2025	330.810.000

Ngày 4 tháng 01 năm 2025

Kế toán

Hiệu trưởng



Đặng Thị Thanh Tuyền



Trần Thị Hải Yến